

Số: 108/2019/HSST

Ngày: 20/11/ 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Loan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đỉnh

2. Ông Nguyễn Việt Thành

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Sách – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 115/2019/HSST ngày 07 tháng 11 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2019/HSST-QĐ ngày 08/11/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ; sinh năm 1980; Tại: Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không; HKTT: Số 22 đường A4, phường M, quận T, TP. Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Tổ 10, ấp 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Nguyễn Đức T, sinh năm 1952; Con bà: Lương Thị D, sinh năm 1957; Vợ: Thân Thị P, sinh năm 1986; Con: Nguyễn Đ Phương A, sinh năm 2008; Con: Nguyễn Đức A, sinh năm 2011; bị bắt tạm giữ tạm giam ngày 24/7/2019 cho đến nay; nhân thân: Bị cáo chưa lần nào bị xử lý hành chính hoặc xét xử về hành vi vi phạm pháp luật. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Nguyễn Thị L, sinh năm 1963, nơi cư trú: Khu phố B, thị trấn C, huyện C, Bình Phước.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. **Anh Huỳnh Văn K**, sinh năm 1991; Nơi cư trú. ấp 3A, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

2. **Anh Mai Thái U**, sinh năm 1976; Nơi cư trú. Tổ 7, ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

3. **Chị Nguyễn Hồng B**, sinh năm 1990; Nơi cư trú. ấp 3A, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

4. **Ông Huỳnh Văn H**, sinh năm 1969; Nơi cư trú. ấp 3B, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

5. **Bà Thân Thị P**, sinh năm 1986; Nơi cư trú. Tổ 10, ấp 3, Tt C, huyện C, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Đ là người nghiện ma túy (ma túy đá). Đ biết quán Karaoke 179 ở khu phố 3, thị trấn C, huyện C do bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963, nơi cư trú: Khu phố 3, thị trấn C, huyện C làm chủ nhưng quán không hoạt động, không có người trông coi nên Đ nảy sinh ý định đột nhập vào lấy trộm tài sản để bán lấy tiền sử dụng ma túy và tiêu xài cá nhân. Từ khoảng tháng 12/2018 đến tháng 7/2019, Đ đã nhiều lần đột nhập vào quán Karaoke 179 để lấy trộm tài sản như sau:

Lần 1: Khoảng 20 giờ, một ngày trong khoảng tháng 12/2018, Đ mang theo 01 kìm cắt nhãn hiệu Licota, cán nhựa màu xanh - đen và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM, biển số 61T4 – 2977 từ nhà ở ấp 3, thị trấn C đến bãi đất trống bên hông quán Karaoke 179. Đ dựng xe tại đây rồi đi bộ đến quan sát thấy cửa sổ bên hông quán trong tình trạng khép hờ, kính cửa đã bị vỡ, các thanh sắt cửa sổ đã bị cắt tạo thành một lỗ hổng lớn nên Đ đột nhập chui vào bên trong quán lấy trộm 02 ti vi nhãn hiệu LG màu đen, loại 42 Inch tại phòng thứ nhất và phòng thứ hai. Sau đó, Đ đưa từng cái ti vi theo lỗ hổng ra ngoài và ôm 02 tivi ra phía trước nhà để xe, Đ tiếp tục lấy xe mô tô đến để 02 ti vi lên ba ga phía sau xe chở về nhà Đ để sử dụng.

Lần 2: Cách lần một khoảng 2 đến 3 tháng, với phương thức và thủ đoạn nêu trên, Đ đột nhập vào quán Karaoke 179 lấy trộm 02 ti vi nhãn hiệu LG màu đen, loại 42 Inch (Đ không nhớ rõ lấy trộm phòng nào). Sau đó Đ chở 02 tivi về cất giấu tại nhà. Sáng hôm sau, Đ chở 02 ti vi đến bán cho ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1969 ở ấp 3B, xã M, huyện C. Do 01 ti vi bị hư màn hình nên Đ chỉ bán 01 cái cho ông H với giá 2.400.000đ. Còn ti vi bị hư màn hình, Đ chở đi cất giấu ở bụi cây ven đường Quốc lộ 13, nhưng sau đó Đ không tìm thấy.

Lần 3: Cách lần 2 khoảng 01 tháng, Đ đột nhập vào quán Karaoke 179 lấy trộm 03 ti vi nhãn hiệu LG màu đen, loại 42 Inch và 02 cái loa (Đ không nhớ rõ lấy trộm phòng nào). Sau khi chở về nhà, Đ cất giấu 02 cái loa phía sau chuồng gà, còn 03 ti vi Đ cất giấu trong buồng ngủ. Sáng hôm sau, Đ bán 02 ti vi cho 02 người con ông H nêu trên (do ông H giới thiệu) là Huỳnh Văn H, sinh năm 1993 và Huỳnh Văn K, sinh năm 1991(cùng ở trọ tại ấp 3A, xã M) mỗi người 01 cái, với giá 2.400.000đ/cái. 01 ti vi còn lại Đ bán cho anh Mai Thái U, sinh năm 1976, nơi cư trú: tổ 7, ấp 6, xã M, huyện C với giá 2.500.000đ.

Lần 4: Cách ngày 23/7/2019 khoảng hơn 01 tuần, với phương thức và thủ đoạn nêu trên, Đ đột nhập vào quán Karaoke 179 lấy trộm 02 ti vi nhãn hiệu LG màu đen, loại 42 Inch, 02 loa, một bộ âm thanh gồm: 01 âm ly, 01 đầu thu âm thanh, 01 đầu thu tín hiệu Micro, 01 màn hình cảm ứng màu trắng chọn hải hát. Sau khi chở về nhà, Đ cất giấu tất cả số đồ vật nêu trên trong tủ quần áo. Sáng hôm sau, Đ chở 02 ti vi đến bán cho ông H, nhưng ông H chỉ mua 01 cái với giá 2.200.000đ (ông H trả trước cho Đ 1.200.000đ); còn 01 cái ti vi Đ gởi lại nhờ ông H bán giúp, nhưng ông H chưa bán được.

Lần 5: Khoảng 19 giờ 15 phút ngày 23/7/2019, Nguyễn Văn Đ mang theo 01 kìm cắt nhãn hiệu Licota, cán nhựa màu xanh - đen và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM, biển số 61T4 – 2977 từ nhà ở ấp 3, thị trấn C đến dừng xe bên hông quán Karaoke 179 rồi đột nhập vào lấy trộm tài sản như các lần trước. Đ dùng kìm cắt dây điện lấy trộm số tài sản mang ra ngoài gồm: 02 ti vi nhãn hiệu LG màu đen, loại 42 Inch; 02 điều khiển ti vi nhãn hiệu LG, màu đen; 01 loa nhãn hiệu Bik, màu đen; 01 âm ly nhãn hiệu XX Novadi, màu đen; 01 ổ cứng tích hợp Karaoke nhãn hiệu Viet KTV, màu trắng; 01 đầu thu tín hiệu không dây nhãn hiệu XX Novadi, màu đen; 01 đầu xử lý âm thanh nhãn hiệu TVL TXDRO – 9000. Sau đó Đ chất số tài sản lấy trộm được lên xe mô tô của mình rồi điều khiển xe về nhà. Trên đường đi Đ thấy một căn nhà hoang không có người ở bên đường Quốc lộ 13 nên Đ dừng xe, mang số tài sản mới lấy trộm được vào nhà hoang cất giấu thì bị lực lượng Công an đi tuần tra phát hiện, đưa Đ cùng tang vật về trụ sở làm việc.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị can đã tác động gia đình khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho bà Lê Thị L số tiền 300.000.000đ, vợ bị can Đ là chị Thân Thị P đã trả lại tiền cho anh K, anh H, chị B và anh U do đã mua ti vi của Đ (đã giao nộp lại cho cơ quan điều tra). Những người này không yêu cầu gì thêm.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ:

- Tại thời điểm bắt giữ Nguyễn Văn Đ, Cơ quan điều tra tạm giữ gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, biển số 61T4 – 2977, 02 ti vi nhãn hiệu LG màu đen, loại 42

Inch; 02 điều khiển ti vi nhãn hiệu LG, màu đen; 01 loa nhãn hiệu Bik, màu đen; 01 âm ly nhãn hiệu XX Novadi, màu đen; 01 ổ cứng tích hợp Karaoke nhãn hiệu Viet KTV, màu trắng; 01 đầu thu tín hiệu không dây nhãn hiệu XX Novadi, màu đen; 01 đầu xử lý âm thanh nhãn hiệu TVL TXDRO – 9000 và 01 mỏ hàn điện dài 27cm.

- Khám xét nơi ở của Nguyễn Văn Đ, Cơ quan điều tra phát hiện, thu giữ gồm: Thu giữ trên nóc tủ gỗ 02 loa nhãn hiệu BIK, màu đen; Thu giữ trong tủ gỗ quần áo (bên phải) 01 Âm ly nhãn hiệu XX NOVADI màu đen, 01 ổ cứng tích hợp karaoke nhãn hiệu VIET KTV màu trắng, 01 đầu thu tín hiệu Micro không dây nhãn hiệu XX NOVADI; Thu giữ trong tủ gỗ quần áo bên phải cửa ra vào buồng ngủ 01 màn hình cảm ứng chọn bài hát nhãn hiệu VIET KTV màu trắng; Thu giữ bên trái cửa ra vào 02 ti vi nhãn hiệu LG, màu đen, màn hình phẳng 42 inch.

- Anh Nguyễn Đ B, sinh năm 1981, nơi cư trú: Tổ 10, ấp 3, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành (em ruột bị can Đ) giao nộp 02 loa nhãn hiệu NOVADI, màu đen (do anh Ba phát hiện 02 loa phía sau chuồng gà nhà bị can Đ).

- Ông Huỳnh Văn H giao nộp 03 ti vi nhãn hiệu LG, màu đen, màn hình phẳng 42 inch.

- Anh Huỳnh Văn K giao nộp 01 ti vi nhãn hiệu LG, màu đen, màn hình phẳng 42 inch.

- Chị Nguyễn Hồng B (vợ của Huỳnh Văn H) giao nộp 01 ti vi nhãn hiệu LG, màu đen, màn hình phẳng 42 inch.

- Anh Mai Thái U giao nộp 01 ti vi nhãn hiệu LG, màu đen, màn hình phẳng 42 inch.

Còn 01 ti vi nhãn hiệu LG, màu đen, màn hình phẳng 42 inch bị hư màn hình không thu hồi được.

Quá trình điều tra xác định toàn bộ số vật chứng nêu trên do Nguyễn Văn Đ lấy trộm tại phòng Karaoke 179 của bà Nguyễn Thị L nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà L.

+ Đối với xe mô tô nhãn hiệu SYM, biển số 61T4 – 2977, là phương tiện bị can Đ sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra xác định xe mô tô trên do bố mẹ của bị can Nguyễn Văn Đ mua lại của người khác (không rõ nhân thân) khoảng 5-6 năm trước rồi cho vợ chồng Đ sử dụng để làm phương tiện buôn bán. Người đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký vào năm 2004 là bà Nguyễn Thị Sơn C, sinh năm 1982, nơi cư trú: Khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương khai đã bán cho người khác(không rõ nhân thân) từ năm 2010.

+ Đối với 01 kìm cắt dài 19cm, có tay cầm màu xanh-đen và 01 mỏ hàn điện dài 27cm là công cụ mà Đ sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước giữ quyền công tố luận tội và đề nghị HĐXX áp dụng điểm c, khoản 2 Điều

173; điểm b, i khoản 1, 2 Điều 51, Điều 50, 38 và Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 18 đến 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị xử lý vật chứng theo qui định.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản cáo trạng đã thể hiện và không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận và kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] về nội dung

[2.1] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại cũng như phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Lợi dụng sơ hở của người bị hại trong việc quản lý tài sản nên trong thời gian từ khoảng tháng 12/2018 đến tháng 7/2019, Đ đã 05 lần lẻn lút vào quán Karaoke 179 tại khu phố 3, thị trấn Chơn Thành lấy ti vi, loa, âm ly, ổ cứng tích hợp Karaoke, đầu thu tín hiệu không dây, đầu xử lý âm thanh của bà Nguyễn Thị Luyến với tổng trị giá 71.200.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” ; nên Cáo trạng của VKSND huyện Chơn Thành truy tố bị cáo theo điểm c, khoản 2, Điều 173, Bộ luật Hình sự 2015 đã sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác đồng thời gây mất an ninh trật tự địa phương. Bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự là người có đầy đủ năng lực

để nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Mặc dù bị cáo có nghề buôn bán, nhưng muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

[2.3] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại, được người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên có căn cứ để áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, nhằm tạo cơ hội cho bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của HĐXX.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo Đ đã tác động gia đình khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho bà Lê Thị L số tiền 300.000.000 đồng, vợ bị cáo Đ là chị Thân Thị Phương đã trả lại tiền cho anh K, anh H, chị B và anh U do đã mua ti vi của Đ. Những người này không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: 01 kim cắt dài 19cm, có tay cầm màu xanh-đen và 01 mỏ hàn điện dài 27cm là công cụ bị can Đ sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với xe mô tô nhãn hiệu SYM, biển số 61T4 – 2977, số máy VMEVA212242, số khung: RLGXA10D4D122242 đây là tài sản chung của vợ chồng nên không tịch thu mà trả lại cho chị Thân Thị Phương.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c, khoản 2 Điều 173; cá điểm b, i khoản 1, 2 Điều 51, Điều 50, 38 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam: ngày 24/7/2019.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 kim cắt dài 19cm, có tay cầm màu xanh-đen và 01 mỏ hàn điện dài 27cm đã tạm giữ của bị cáo Đ.

Trả lại cho chị Thân Thị Phương một xe mô tô nhãn hiệu SYM, biển số 61T4 – 2977, số máy VMEVA212242, số khung: RLGXA10D4D122242 đã tạm giữ theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 23/7/2019 (BL số 153)

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc nê n yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện Chơn Thành;
- CCTHADS huyện Chơn Thành;
- CA huyện Chơn Thành;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN ĐÌNH LOAN